



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP

Digitally signed by CÔNG TY
CP CAMIMEX GROUP
DN: C=VN, L=CÀ MAU, CN=
CÔNG TY CP CAMIMEX
GROUP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:2000103908, E=
CAMIMEX.GROUP@
CAMIMEX.COM.VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.03.31
12:43:51
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.0



A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 48
8. Phụ lục	49 - 54

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 19 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Điện thoại : 0290.3831608

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại số 2 đường 28, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Văn Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2020
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Huỳnh Văn Tấn - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMG.2025 ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 4.0176/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Hữu Danh****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

**Nguyễn Hữu Nghi****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.675.381.107.467	2.104.402.139.704
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	166.150.844.088	32.030.449.594
1. Tiền	111		166.150.844.088	32.030.449.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		101.740.000.000	39.920.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	101.740.000.000	39.920.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		769.851.095.022	667.853.370.263
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	569.038.258.858	442.815.032.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	148.363.454.076	196.515.310.699
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	52.584.462.088	28.617.583.133
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(135.080.000)	(94.556.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.588.902.235.881	1.333.202.618.493
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.669.937.741.047	1.394.191.681.248
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(81.035.505.166)	(60.989.062.755)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.736.932.476	31.395.701.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.884.429.442	1.866.472.848
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.594.396.937	23.182.765.054
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	6.258.106.097	6.346.463.452
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.041.150.458.012	1.321.360.146.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		524.359.531.018	485.944.598.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	360.850.127.445	405.442.357.203
- Nguyên giá	222		823.894.163.409	811.189.641.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(463.044.035.964)	(405.747.284.069)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	118.451.074.089	34.625.009.211
- Nguyên giá	225		139.712.955.716	36.134.842.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(21.261.881.627)	(1.509.833.334)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	45.058.329.484	45.877.231.677
- Nguyên giá	228		53.435.493.890	53.251.118.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.377.164.406)	(7.373.887.213)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		461.221.223.579	352.965.099.727
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	461.221.223.579	352.965.099.727
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.887.221.739	457.686.331.472
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	25.887.221.739	456.686.331.472
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	8.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.652.481.676	23.734.117.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	17.965.953.602	23.087.871.199
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.686.528.074	646.246.249
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.716.531.565.479	3.425.762.286.442

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.053.170.365.139	1.931.588.880.986
I. Nợ ngắn hạn	310		1.238.362.755.945	1.575.224.569.877
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	152.955.222.726	212.719.365.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.095.567.559	9.615.413.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	22.127.920.963	16.229.618.820
4. Phải trả người lao động	314	V.17	24.898.790.763	17.515.858.895
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	6.992.864.787	5.889.201.866
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	32.420.991.208	113.114.013.592
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	993.976.346.023	1.198.246.045.458
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.895.051.916	1.895.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		814.807.609.194	356.364.311.109
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	814.357.609.194	355.914.311.109
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.663.361.200.340	1.494.173.405.456
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.663.361.200.340	1.494.173.405.456
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	1.018.989.900.000	1.018.989.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.018.989.900.000	1.018.989.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	241.575.000.000	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	479.579.319	479.579.319
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	(71.714.401.725)	115.812.916.866
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(127.701.377.014)	115.812.916.866
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		55.986.975.289	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22a	474.031.122.746	358.891.009.271
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.716.531.565.479	3.425.762.286.441

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025


Trần Quốc Phong
Người lập


Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng


Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.981.374.735.211	2.047.751.677.931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	496.682.505	7.661.292.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.980.878.052.706	2.040.090.385.409
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.603.130.935.981	1.736.214.889.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		377.747.116.725	303.875.495.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	23.620.672.789	44.138.254.860
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	137.838.539.655	119.659.904.669
Trong đó: chi phí lãi vay	23		88.371.144.856	75.190.596.454
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	1.234.558.746	(2.774.708.394)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	103.385.870.567	56.003.672.813
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	95.298.182.923	77.603.350.580
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.079.755.115	91.972.113.886
12. Thu nhập khác	31	VI.8	35.181.569.470	803.345.383
13. Chi phí khác	32	VI.9	11.885.773.798	10.868.341.722
14. Lợi nhuận khác	40		23.295.795.672	(10.064.996.339)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.375.550.787	81.907.117.547
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	24.166.247.997	12.172.310.490
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1.040.281.825)	2.783.249.964
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		66.249.584.615	66.951.557.093
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		55.986.975.289	48.835.431.041
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.22a	10.262.609.326	18.116.126.052
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	549	479
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	549	479

Trần Quốc Phong
Người lậpHuỳnh Công Nhân
Kế toán trưởngHuỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		89.375.550.787	81.907.117.547
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,11	81.447.767.730	60.438.288.523
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	20.086.966.411	17.808.227.946
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	15.346.617.492	2.142.528.806
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	(25.724.288.294)	(9.100.332.488)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	88.371.144.856	75.190.596.454
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		268.903.758.982	228.386.426.788
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		146.927.836.357	(180.241.849.335)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(280.280.682.485)	(380.832.889.708)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(102.832.323.101)	300.112.562.991
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.486.448.756	4.011.467.317
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(86.855.646.124)	(77.125.349.095)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(10.522.278.850)	(16.276.090.751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.965.644.965	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.207.241.500)	(121.965.721.793)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(86.155.962.394)	(329.647.754.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		29.322.316.782	2.220.683.531
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(116.534.767.123)	(82.630.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		46.594.767.123	67.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(420.000.000)	(14.134.678.317)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	3.456.050.870	14.764.835.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(123.737.594.742)	(341.826.914.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

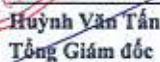
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	4.424.063.174.518	4.255.551.387.399
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(4.049.801.730.661)	(3.740.987.672.053)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	(64.353.296.347)	(44.540.916.455)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		309.908.147.510	470.022.798.891
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		129.963.311.268	6.230.162.788
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.030.449.594	26.699.694.494
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.157.083.226	(899.407.688)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	166.150.844.088	32.030.449.594

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025


 Trần Quốc Phong
 Người lập


 Huỳnh Công Nhân
 Kế toán trưởng




 Huỳnh Văn Tấn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Tập đoàn**
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 05 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 02 công ty liên kết (tại thời điểm đầu năm, Tập đoàn có 04 công ty con và 03 công ty liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. *Danh sách các công ty con được hợp nhất*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex	Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	74,03%	76,69%	74,03%	76,69%
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất, kinh doanh tôm giống	78,44%	80,55%	99,01%	80,55%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh; vận chuyển hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	95,64%	84,78%	99,97%	88,21%
Công ty Cổ phần Camimex Farm	969 Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Nuôi tôm	65,79%	-	65,79%	-

(i) Công ty nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

(ii) Công ty nắm giữ 83,3% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty Cổ phần Camimex Foods và 16,67% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Camimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	Nuôi tôm	-	35,23%	-	35,23%
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất giống thủy sản, nuôi tôm, nuôi cá, nuôi thủy sản khác	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.506 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.482 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đảo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (không quá 50 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê (05 năm).

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian bảo lãnh (06 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 44
Máy móc và thiết bị	03 - 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	06

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (33 - 43 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	10.512.182.232	200.848.336
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	155.638.661.856	31.829.601.258
Cộng	166.150.844.088	32.030.449.594

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	101.740.000.000	101.740.000.000	39.920.000.000	39.920.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng - 13 tháng đến hạn thu hồi dưới 12 tháng (*)	101.740.000.000	101.740.000.000	39.920.000.000	39.920.000.000
Dài hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Cộng	109.740.000.000	109.740.000.000	39.920.000.000	39.920.000.000

(*) Trong đó, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng - 18 tháng có giá trị ghi sổ là 107.090.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	-	-	435.652.202.765	(3.198.534.286)	432.453.668.479
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị ⁽ⁱ⁾	1.955.000.000	-	1.955.000.000	1.535.000.000	-	1.535.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn ⁽ⁱⁱ⁾	22.273.837.101	1.658.384.638	23.932.221.739	22.273.837.101	423.825.892	22.697.662.993
Cộng	24.228.837.101	1.658.384.638	25.887.221.739	459.461.039.866	(2.774.708.394)	456.686.331.472

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200698186 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Trong năm, Tập đoàn đã đầu tư thêm 420.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị là 1.955.000.000 VND, số còn phải đầu tư thêm là 2.945.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.225.000 cổ phiếu, tương đương 24,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (số đầu năm là 1.225.000 cổ phiếu, tương đương 24,5% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Thanh lý, nhượng bán	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Camimex Farm	432.453.668.479	-	(235.000.000.000)	(197.453.668.479)	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	1.535.000.000	420.000.000	-	-	-	1.955.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	22.697.662.993	-	-	-	1.234.558.746	23.932.221.739
Cộng	456.686.331.472	420.000.000	(235.000.000.000)	(197.453.668.479)	1.234.558.746	25.887.221.739

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex		
Cho vay	-	(270.000.000)
Góp vốn bằng tiền	-	(350.000.000)
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị		
Góp vốn bằng tiền	(420.000.000)	(835.000.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
Cổ tức được chia	2.447.600.000	1.229.848.200
Mua hàng	13.008.222.000	-
Công ty Cổ phần Camimex Farm		
Bán hàng	9.936.985.387	35.021.560.000
Cung cấp dịch vụ gia công	-	257.800.760
Mua hàng	-	88.010.000
Vay tiền	200.550.000.000	1.950.000.000
Trả tiền vay	(600.000.000)	(900.000.000)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition ⁽ⁱ⁾	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	204.582.117
Hoàn nhập dự phòng	-	(204.582.117)
Số cuối năm	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.164.281.148</i>	<i>85.321.327.434</i>
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	31.275.615.714
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	10.810.368	666.527.451
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	943.470.780	944.692.098
Ông Nguyễn Trọng Hà	210.000.000	330.000.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	-	52.104.492.171
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>567.873.977.710</i>	<i>357.493.704.997</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Meta	-	82.615.380.196
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Đại Nguyên	9.000	43.057.220.000
Công ty TNHH Hồ Nhở	-	36.077.746.400
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Thủy hải sản Biển Vàng	-	31.612.480.000
Coop, Basel	25.868.943.230	16.311.021.440
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng	-	79.699.894.240
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	100.366.008.512	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	72.533.079.847	-
Ông Hà Văn Bằng	235.000.000.000	-
Các khách hàng khác	134.105.937.121	68.119.962.721
Cộng	<u>569.038.258.858</u>	<u>442.815.032.431</u>

Một số công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm với số tiền 174.220.042.227 VND (số đầu năm là 272.644.765.480 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	28.723.869.605	10.328.517.928
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	-	7.828.517.928
Ông Bùi Đức Cường	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	7.208.909.824	-
Công ty TNHH Thủy sản Hưng Thuận	19.014.959.781	-
Trả trước cho các người bán khác	119.639.584.471	186.186.792.771
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	52.744.755.962	81.797.311.638
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom	153.902.400	48.261.627.951
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM	20.809.378.568	-
Các nhà cung cấp khác	45.931.547.541	56.127.853.182
Cộng	148.363.454.076	196.515.310.699

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	10.043.913.274	-	12.337.834.873	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Phải thu khác	-	-	97.834.873	-
Ông Bùi Đức Cường - Tiền mượn	9.200.000.000	-	12.240.000.000	-
Ông Đỗ Văn Hải - Tạm ứng	700.000.000	-	-	-
Ông Bùi Đức Dũng - Phải thu tiền nộp hộ thuế thu nhập cá nhân	84.711.450	-	-	-
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Phải thu tiền nộp hộ thuế thu nhập cá nhân	59.201.824	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	42.540.548.814	-	16.279.748.260	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.332.435.617	-	757.008.221	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	21.515.209.085	-	5.916.791.736	-
Tạm ứng	7.844.862.453	-	4.915.791.266	-
Quỹ Khí hậu và Phát triển Hà Lan (DFCD) - Chi hộ tiền dự án Sản xuất tôm rừng ngập mặn ở vùng có khí hậu dễ bị tổn thương	3.116.260.145	-	1.905.235.887	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.731.781.514	-	2.784.921.150	-
Cộng	52.584.462.088	-	28.617.583.133	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV BCA HCKT				
Thăng Long - Trả trước cho người bán	135.080.000	-	135.080.000	40.524.000
Cộng	135.080.000	-	135.080.000	40.524.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	94.556.000	1.855.134.104
Trích lập dự phòng bổ sung	40.524.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.760.578.104)
Số cuối năm	135.080.000	94.556.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.332.135.533	-	9.834.252.593	-
Công cụ, dụng cụ	1.699.940.194	-	1.518.782.965	-
Thành phẩm	1.655.905.665.320	(81.035.505.166)	1.382.838.645.690	(60.989.062.755)
Cộng	1.669.937.741.047	(81.035.505.166)	1.394.191.681.248	(60.989.062.755)

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 841.950.086.202 VND (số đầu năm là 673.059.873.748 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	60.989.062.755	41.215.674.588
Trích lập dự phòng trong năm	20.046.442.411	19.773.388.167
Số cuối năm	81.035.505.166	60.989.062.755

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.081.433.626	958.689.447
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	486.216.583	907.783.401
Phí đánh giá và cấp chứng nhận Organic EU	290.779.231	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.000.002	-
Cộng	1.884.429.442	1.866.472.848

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.765.895.847	1.930.620.968
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.026.823.209	5.818.779.376

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất(*)	13.692.839.782	14.403.719.962
Phí bảo lãnh vay vốn	35.776.397	156.659.729
Các chi phí trả trước dài hạn khác	444.618.367	778.091.164
Cộng	17.965.953.602	23.087.871.199

(*) Trong đó, tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.652.448.200 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 185.844.831.355 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	36.134.842.545
Thuê tài chính trong năm	120.707.113.171
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(17.129.000.000)
Số cuối năm	139.712.955.716
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.509.833.334
Khấu hao trong năm	24.319.781.626
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(4.567.733.333)
Số cuối năm	21.261.881.627
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	34.625.009.211
Số cuối năm	118.451.074.089

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	52.068.008.890	1.183.110.000	53.251.118.890
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	184.375.000	184.375.000
Số cuối năm	52.068.008.890	1.367.485.000	53.435.493.890
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.016.135.808	1.016.135.808
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.250.777.213	1.123.110.000	7.373.887.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Khấu hao trong năm	856.072.284	22.473.249	878.545.533
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	124.731.660	124.731.660
Số cuối năm	7.106.849.497	1.270.314.909	8.377.164.406
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.817.231.677	60.000.000	45.877.231.677
Số cuối năm	44.961.159.393	97.170.091	45.058.329.484

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 44.961.159.393 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

(*) Tập đoàn đã thế chấp, chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối năm là 187.275.474.468 VND (số đầu năm là 175.000.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 12.049.786.843 VND (năm trước là 0 VND).

13. Thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau bù trừ
Số đầu năm	1.142.970.964	(496.724.715)	646.246.249
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	543.557.110	496.724.715	1.040.281.825
Số cuối năm	1.686.528.074	-	1.686.528.074

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả do các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay với số tiền tại ngày kết thúc năm tài chính là 47.308.102.214 VND (số đầu năm là 17.983.200.532 VND).

Chi tiết chi phí lãi vay chưa ghi nhận như sau:

Năm 2022	5.915.940.640
Năm 2023	12.067.259.892
Năm 2024	29.324.901.682
Cộng	47.308.102.214

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển sang.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.888.860.734</i>	<i>40.297.852.616</i>
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	598.260.734	2.139.517.802
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	-	2.700.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	-	34.664.090.504
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	1.290.600.000	3.024.000.000
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	-	467.544.310
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>151.066.361.992</i>	<i>172.421.512.927</i>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	67.771.737.139
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội	-	24.999.991.719
Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	13.664.766.299	4.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hải sản Hưng Thành Phát	-	3.230.445.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Aquapure Seafood	1.649.457.978	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	4.317.625.813	559.130.467
Doanh nghiệp tư nhân Minh Bạch	2.257.444.997	1.170.054.122
Các nhà cung cấp khác	129.177.066.905	70.690.154.480
Cộng	<u>152.955.222.726</u>	<u>212.719.365.543</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
LinksUp Co., Ltd	-	2.946.383.565
LLC "Retail Service"	513.712.680	1.512.102.048
Canda Six Fortune Enterprise Co. Ltd	1.362.869.895	-
Shin Gang Corp	458.270.752	458.270.752
Công ty TNHH MTV Thủy sản Minh Đức	-	2.370.249.742
Các khách hàng khác	760.714.232	2.328.407.680
Cộng	<u>3.095.567.559</u>	<u>9.615.413.787</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex Group

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Camimex Foods

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty Cổ phần Camimex Farm

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group	1.108.050.571	2.601.451.326
Công ty Cổ phần Camimex	19.679.339.941	6.404.129.742
Công ty TNHH Camimex Organic	199.528.859	133.128.792
Công ty Cổ phần Camimex Foods	2.568.373.772	770.370.335
Công ty Cổ phần Camimex Farm	610.954.854	2.263.230.295
Cộng	24.166.247.997	12.172.310.490

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m³ với thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Mức tiền thuê (VND/m ² /năm)
- Thửa số 34 tờ bản đồ 82, phường Phú Nhuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	1.472,7	161.728
	819,5	56.448
- Số 969, đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, TP. Cà Mau	21.752,8	30.933

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Là tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	6.904.700.598	5.389.201.866
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	500.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	88.164.189	-
Cộng	6.992.864.787	5.889.201.866

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	487.101.685	81.337.101.685
Công ty Cổ phần Camimex Farm - Nhận ký quỹ, ký cược	-	80.850.000.000
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả	200.368.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả	220.486.161	220.486.161
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	31.933.889.523	31.776.911.907
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	17.819.158.905	10.524.787.044
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.113.199.999	1.143.200.000
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop Basel - Tiền mượn	8.288.420.527	8.288.420.527
Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng	-	6.698.967.994
Phải trả tiền dịch vụ dự án tôm sinh thái	-	1.068.785.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.206.112.536	1.545.753.786
Cộng	32.420.991.208	113.114.013.592

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	170.000.000	39.270.000.000
Vay Ông Huỳnh Văn Tấn	-	520.000.000
Vay Ông Bùi Đức Dũng ^(xii)	170.000.000	2.000.000.000
Vay Bà Vũ Thị Bích Ngọc	-	22.300.000.000
Vay Bà Bùi Vũ Diệu Anh	-	3.000.000.000
Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	-	10.400.000.000
Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	1.050.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	993.806.346.023	1.158.976.045.458
Vay ngắn hạn ngân hàng	910.303.130.769	939.917.468.760
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	200.703.105.000	186.582.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	175.276.310.809	167.841.480.768
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80.083.957.283	79.310.257.542
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(iv)	9.895.897.467	15.483.117.121
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(v)	189.509.222.376	99.047.147.500
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	200.174.205.000
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(vi)	79.301.129.318	
- Vay Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ^(vii)	50.200.000.000	
- Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	10.051.661.196	
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cộng Hòa ^(ix)	55.228.797.320	82.507.692.829
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(x)	20.053.050.000	34.167.928.000
- Vay Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	35.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (đầu năm là Phòng giao dịch Chương Dương) ^(xi)	40.000.000.000	39.802.950.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.117.246.251	1.617.246.251
- Vay Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Đức Duy ^(xii)	1.117.246.251	1.617.246.251
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	50.000.000	200.292.271.243
- Vay Ông Tạ Thanh Phú	-	76.146.000.000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(xiii)	50.000.000	124.146.271.243
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	53.558.738.307	3.484.992.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	28.777.230.696	13.664.067.204
Cộng	993.976.346.023	1.198.246.045.458

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:
- Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp sổ tiền gửi tiết kiệm của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
 - Công ty Cổ phần Camimex: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7 và VII.1a).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.9 và V.10).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và nhà cửa, vật kiến trúc (xem thuyết minh số V.7 và V.9).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc quyền đòi nợ, hàng hóa, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.8b, V.9 và VII.1a).
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7 và VII.1a).
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank., Ltd - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a và VII.1a).
- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Foods tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cộng Hòa để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (x) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (xi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (xii) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không lãi suất để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	117.195.289.904	111.330.193.000
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	3.481.653.000	5.522.943.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	105.807.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	113.713.636.904	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	406.260.901.789	-
- Vay ResponsAbility SICAV (Lux) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	65.048.588.693	-
- Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif ^(iv)	85.702.313.096	-
- Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(v)	255.510.000.000	-
Nợ thuê tài chính	84.372.850.832	40.166.552.535
- Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm	40.665.200.927	10.021.396.636
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	8.148.183.634	15.321.367.270
- Thuê tài chính Công ty cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	32.631.062.606	14.823.788.629
- Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	2.928.403.665	-
Trái phiếu thường dài hạn ^(vi)	206.528.566.669	204.417.565.574
Cộng	814.357.609.194	355.914.311.109

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần Camimex Group: để mua xe ô tô với lãi suất 6 tháng đầu tiên là 10%/năm, từ tháng thứ 7 là lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,4%, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào tháng 12 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

- Công ty Cổ phần Camimex Foods: vay để đầu tư mua sắm tài sản cố định, với lãi suất thay đổi theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu tiên vào ngày 25 tháng 7 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8b và V.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 28.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex của Công ty mẹ và toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Cammex Organic có giá trị là 50.000.000.000 VND.
- (vi) Trái phiếu phát hành của Công ty mẹ do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB làm đại lý đăng ký, lưu ký và hiện đã được lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có đảm bảo với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 210.420.000.000 VND dùng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 23/10/2026, trái phiếu được thanh toán gốc bằng 100% mệnh giá cộng với lãi trái phiếu chưa thanh toán đến ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 3 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định 11,2%/năm.

Tài sản đảm bảo: 25.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex thuộc sở hữu Công ty mẹ và 9.871.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex thuộc sở hữu bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	142.647.930.000	25.452.640.096	91.047.105.388	26.148.184.516
Vay dài hạn các tổ chức khác	434.367.000.000	28.106.098.211	304.056.901.789	102.204.000.000
Nợ thuê tài chính	113.150.081.528	28.777.230.696	84.372.850.832	-
Trái phiếu thường	206.528.566.669	-	206.528.566.669	-
Cộng	896.693.578.197	82.335.969.003	686.005.424.678	128.352.184.516
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	114.815.185.000	3.484.992.000	76.061.109.672	35.269.083.328

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Nợ thuê tài chính	53.830.619.739	13.664.067.204	40.166.552.535	-
Trái phiếu thường	204.417.565.574	-	204.417.565.574	-
Cộng	373.063.370.313	17.149.059.204	320.645.227.781	35.269.083.328

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	28.777.230.696	84.372.850.832	113.150.081.528
Lãi thuê phải trả	8.179.822.499	18.605.301.335	26.785.123.834
Nợ thuê tài chính phải trả	36.957.053.195	102.978.152.167	139.935.205.362

Số đầu năm

Tiền gốc phải trả	13.664.067.204	40.166.552.535	53.830.619.739
Lãi thuê phải trả	5.012.590.479	9.256.683.168	14.269.273.647
Nợ thuê tài chính phải trả	18.676.657.683	49.423.235.703	68.099.893.386

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

20c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.393.225.065	1.393.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	107.025.472
Cộng	1.895.051.916	1.895.051.916

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 06 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông góp vốn	1.018.989.900.000	1.018.989.900.000
Cộng	1.018.989.900.000	1.018.989.900.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.898.990	101.898.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu phổ thông	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu phổ thông	101.898.990	101.898.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	957.315.324	284.435.962
Trên 1 năm đến 5 năm	3.829.261.294	1.422.179.810
Trên 5 năm	23.341.364.500	5.309.471.291
Cộng	28.127.941.118	7.016.087.063

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	11.674,59	57.293,91

23c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	
Mazzetta	493.754,07	11.373.625.002	493.754,07	11.373.625.002	Không có khả năng thu hồi
Cmc Seafood Corporation	110.000	2.389.180.590	110.000	2.389.180.590	Không có khả năng thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác	96.725,51	5.057.860.962	96.725,51	5.057.860.962	Không có khả năng thu hồi
Cộng		18.820.666.554		18.820.666.554	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	329.306.086.348	67.208.591.681
Doanh thu bán thành phẩm	2.613.647.204.433	1.974.518.961.974
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.402.098.430	4.746.227.876
Doanh thu cho thuê tài sản	1.019.346.000	1.277.896.400
Cộng	2.981.374.735.211	2.047.751.677.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bà Vũ Thị Bích Ngọc		
Bán hàng	-	7.520.000
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</i>		
Bán hàng	1.914.937.496	1.914.937.496
<i>Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng</i>		
Bán hàng	10.009.600	-
<i>Công ty TNHH Thủy sản Hưng Thuận</i>		
Doanh thu gia công	6.615.800	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	307.174.206.222	50.795.088.512
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.251.425.887.243	1.663.446.005.453
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	24.484.400.105	2.200.407.795
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20.046.442.411	19.773.388.167
Cộng	2.603.130.935.981	1.736.214.889.927

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	87.302.435	94.549.444
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.950.490.420	13.642.885.513
Cổ tức được chia	2.447.600.000	1.229.848.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.135.279.934	29.170.971.703
Cộng	23.620.672.789	44.138.254.860

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	88.371.144.856	75.190.596.454
Chi phí phát hành trái phiếu	2.111.001.095	1.632.767.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	32.009.839.733	40.898.593.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.346.553.971	2.142.528.806
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(204.582.117)
Cộng	137.838.539.655	119.659.904.669

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.200.687.900	6.971.117.498
Chi phí vật liệu, bao bì	236.557.145	148.456.605
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	288.966.631	15.452.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	119.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.965.178.845	34.556.858.733
Các chi phí khác	26.694.480.046	14.192.787.604
Cộng	103.385.870.567	56.003.672.813

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	38.363.682.323	28.615.928.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.838.344.128	1.757.491.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.854.123.019	7.626.856.330
Thuế, phí và lệ phí	2.597.950.531	618.708.719
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	40.524.000	(1.760.578.104)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.939.217.949	7.202.982.763
Các chi phí khác	39.664.340.973	33.541.960.473
Cộng	95.298.182.923	77.603.350.580

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	21.326.197.874	-
Lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ	5.068.895.808	-
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	1.854.848.259	269.708.231
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	75.104.665
Tài sản thừa kiểm kê	6.371.101.841	4.740.158
Thu nhập khác	560.525.688	453.792.329
Cộng	35.181.569.470	803.345.383

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	5.772.401.225
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.324.937.162	2.362.237.296
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	616.276.690
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	5.522.580.845	561.864.817
Lãi quá hạn	28.003.448	29.195.775
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	353.621.626	226.480.749
Chi hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	1.854.679.640	-
Chi phí khác	1.801.951.077	1.299.885.170
Cộng	11.885.773.798	10.868.341.722

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.650.000.361	3.900.548.082
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	496.724.715
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.193.557.471)	(1.614.022.833)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(496.724.715)	-
Cộng	(1.040.281.825)	2.783.249.964

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	55.986.975.289	48.835.431.041
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	55.986.975.289	48.835.431.041
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	101.898.990	101.898.990
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	549	479

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	101.898.990	101.898.990
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	101.898.990	101.898.990

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.325.095.932.743	1.396.066.617.629
Chi phí nhân công	193.866.699.241	141.929.452.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.447.767.730	60.438.288.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.556.482.481	74.098.750.398
Chi phí khác	115.331.752.713	81.986.409.734
Cộng	1.843.298.634.908	1.754.519.518.509

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	12.080.000.000	76.044.000.000
Trả tiền vay không lãi suất	(15.120.000.000)	(76.044.000.000)
Tạm ứng	700.000.000	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	28.107.087.538	17.100.000.000
Trả tiền vay không lãi suất	(53.407.087.538)	-
Bán tài sản cố định hữu hình	-	363.636.364

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên Hội đồng quản trị đã dùng cổ phiếu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex Group

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	120.000.000	120.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	300.528.293	96.000.000	396.528.293
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	-	96.000.000	96.000.000
Ông Đỗ Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn - Phó Tổng Giám đốc	300.534.508	-	300.534.508
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghi - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Cộng	601.062.801	672.000.000	1.273.062.801
Năm trước			
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	120.000.000	120.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	256.971.140	96.000.000	352.971.140
Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	256.985.319	96.000.000	352.985.319
Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị	-	96.000.000	96.000.000
Ông Đỗ Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	96.000.000	96.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn - Phó Tổng Giám đốc	256.975.070	-	256.975.070
Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Trưởng Ban kiểm soát	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nghi - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023)	-	18.967.742	18.967.742
Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận - Thành viên Ban kiểm soát	-	29.032.258	29.032.258
Cộng	770.931.529	672.000.000	1.442.931.529

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Công ty liên kết (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 là công ty con)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị với Công ty
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có người đại diện pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Trưởng Ban kiểm soát Công ty
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với kế toán trưởng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH Thủy sản Hưng Thuận	Công ty có thành viên góp vốn là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú (không còn là bên liên quan trong năm do đã thay đổi người đại diện theo pháp luật)	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải		
Mua hàng	15.120.152.500	117.806.831.728
Phí dịch vụ vận chuyển	116.300.000	1.793.620.000
Vay tiền không lãi suất	28.480.495.500	34.520.486.312
Trả tiền vay không lãi suất	(28.480.495.500)	(34.520.486.312)
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Chi phí gia công	2.406.298.800	-
Bán tài sản cố định hữu hình	-	363.636.364
Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú		
Mua hàng	-	297.184.482.844
Vay tiền không lãi suất	-	393.772.238.094
Trả tiền vay	-	(393.772.238.094)
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish		
Mua hàng	48.882.329.177	-
Công ty TNHH Thủy sản Hưng Thuận		
Mua hàng	32.767.125.035	-
Vay tiền không lãi suất	17.086.000.000	-
Trả tiền vay	(17.086.000.000)	-
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Mua hàng	11.160.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.495.256.284.835	781.568.131.252
Nước ngoài	1.485.621.767.871	1.258.522.254.157
Cộng	2.980.878.052.706	2.040.090.385.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025



Trần Quốc Phong
Người lập



Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	319.447.541.390	411.411.083.160	75.310.035.027	4.890.981.695	130.000.000	811.189.641.272
Mua trong năm	7.594.430.691	7.041.979.075	2.682.437.680	260.000.000	-	17.578.847.446
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.558.043.202	8.526.672.000	-	-	-	19.084.715.202
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.092.272.959	806.921.076	659.241.818	-	-	4.558.435.853
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	-	17.129.000.000	-	-	-	17.129.000.000
Tăng khác (*)	-	6.352.191.182	-	-	-	6.352.191.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.352.191.182)	(5.646.476.364)	-	-	(11.998.667.546)
Giảm khác (**)	-	(40.000.000.000)	-	-	-	(40.000.000.000)
Số cuối năm	340.692.288.242	404.915.655.311	73.005.238.161	5.150.981.695	130.000.000	823.894.163.409
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	54.044.304.368	90.550.965.748	8.115.380.222	1.565.346.316	130.000.000	154.405.996.654
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị bao mòn						
Số đầu năm	131.494.496.247	239.885.544.321	30.848.120.493	3.517.317.452	1.805.556	405.747.284.069
Khấu hao trong năm	22.869.789.718	26.250.760.137	6.652.646.236	348.050.036	128.194.444	56.249.440.571
Tăng do hợp nhất kinh doanh	727.284.084	152.734.305	87.898.912	-	-	967.917.301
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	-	4.567.733.333	(4.266.117.088)	-	-	4.567.733.333
Thanh lý, nhượng bán	-	(222.222.222)	-	-	-	(4.266.117.088)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(222.222.222)
Số cuối năm	155.091.570.049	270.634.549.874	33.322.548.553	3.865.367.488	130.000.000	463.044.035.964
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	187.953.045.143	171.525.538.839	44.461.914.534	1.373.664.243	128.194.444	405.442.357.203
Số cuối năm	185.600.718.193	134.281.105.437	39.682.689.608	1.285.614.207	-	360.850.127.445
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Tăng do Công ty Cổ phần Camimex đã ghi nhận tăng bổ sung tài sản cố định hữu hình với giá trị 6.352.191.182 VND theo Quyết định số 2511/2024/QĐ-TSCĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tổng Giám đốc

(**) Hoàn trả vốn góp bằng tài sản cố định theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Camimex Foods



Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Bảng tổng, gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Kết chuyển tài sản cố định thuế tài chính	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	218.470.432.698	41.161.508.155	-	-	-	(1.767.095.455)	257.864.845.398
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương	175.000.000.000	12.275.474.468	-	-	-	-	187.275.474.468
- Các tài sản khác	43.470.432.698	28.886.033.687	-	-	-	(1.767.095.455)	70.589.370.930
Xây dựng cơ bản dở dang	134.494.667.029	75.394.551.351	13.039.375.003	(19.084.715.202)	(487.500.000)	-	203.356.378.181
- Công trình nhà xưởng Foods	56.554.975.370	2.995.514.166	-	(198.000.000)	-	-	59.352.489.536
- Văn phòng giao dịch Foods	18.207.940.000	-	-	-	-	-	18.207.940.000
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp 1	16.951.116.364	49.663.605.303	-	-	-	-	66.614.721.667
- Dự án đầu tư xây dựng nghiên cứu sản xuất thủy sản công nghệ cao	23.933.110.068	169.500.000	-	-	-	-	24.102.610.068
- Các công trình khác	18.847.525.227	22.565.931.882	13.039.375.003	(18.886.715.202)	(487.500.000)	-	35.078.616.910
Cộng	352.965.099.727	116.556.059.506	13.039.375.003	(19.084.715.202)	(487.500.000)	(1.767.095.455)	461.221.223.579

[Signature]

Trần Quốc Phong
 Người lập

[Signature]

Huỳnh Công Nhân
 Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Huỳnh Văn Tấn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CAO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Phát sinh trong năm				Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giảm do bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu	
		2.458.458.807	(2.620.972.651)	-	-	678.425.486	6.258.106.097	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	840.939.330	-	-	-	-	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.258.106.097	-	-	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.196.072.218	-	24.166.247.997	(10.522.278.850)	487.960.947	20.423.872.570	-	
Thuế thu nhập cá nhân	916.002.147	88.357.355	1.851.246.451	(1.368.885.918)	2.482.279	957.995.050	-	
Thuế tài nguyên	7.528.000	-	191.800.000	(178.317.600)	-	21.010.400	-	
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	38.006.892	(38.006.892)	-	-	-	
Tiền thuế đất	250.869.575	-	2.591.662.307	(2.842.531.882)	-	-	-	
Các loại thuế khác	46.174.747	-	2.403.808.184	(1.541.781.123)	-	10.000.000	-	
khác	972.032.803	-	736.466.266	(1.638.987.237)	640.000	36.617.457	-	
Cộng	16.229.618.820	6.346.463.452	34.437.696.904	(20.751.762.153)	491.013.226	22.127.920.963	6.258.106.097	

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025



[Signature]

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

[Signature]

Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 04: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	939.917.468.760	3.305.063.118.008	-	(3.344.425.897.908)	-	9.748.441.909	910.303.130.769
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	13.067.246.251	276.566.118.973	-	(87.516.118.973)	(201.000.000.000)	-	1.117.246.251
Vay ngắn hạn các cá nhân	228.112.271.243	280.595.187.537	-	(508.487.458.780)	-	-	220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.484.992.000	-	53.558.750.307	(3.485.004.000)	-	-	53.558.738.307
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	13.664.067.204	-	28.777.230.696	(13.664.067.204)	-	-	28.777.230.696
Cộng	1.198.246.045.458	3.862.224.424.518	82.335.981.003	(3.957.578.546.865)	(201.000.000.000)	9.748.441.909	993.976.346.023

Đơn vị tính: VND



Trần Quốc Phong
Người lập

Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuế tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	111.330.193.000	137.205.000.000	(105.887.251.000)	(25.452.652.096)	-	-	117.195.289.904
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	424.633.750.000	-	(28.106.098.211)	-	9.733.250.000	406.260.901.789
Nợ thuế tài chính	40.166.552.535	123.672.758.136	(50.689.229.143)	(28.777.230.696)	-	-	84.372.850.832
Trái phiếu thường	204.417.565.574,0	-	-	-	2.111.001.095	-	206.528.566.669
Cộng	355.914.311.109	685.511.508.136	(156.576.480.143)	(82.335.981.003)	2.111.001.095	9.733.250.000	814.357.609.194



Trần Quốc Phong
Người lập



Huỳnh Công Nhân
Kế toán trưởng




Huỳnh Văn Tấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: 999, Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 06: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
						Cộng
Số dư đầu năm trước	1.018.989.900.000	5.106.126.126	-	479.579.319	133.602.465.825	236.872.333.579
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	-	(5.106.126.126)	-	-	(66.624.980.000)	71.731.106.126
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	48.835.431.041	18.116.126.052
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	40.000.000.000
Chuyển công ty con sang công ty liên kết	-	-	-	-	-	(7.828.556.486)
Số dư cuối năm trước	1.018.989.900.000	-	-	479.579.319	115.812.916.866	358.891.009.271
Số dư đầu năm nay	1.018.989.900.000	-	-	479.579.319	115.812.916.866	1.494.173.405.456
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	55.986.975.289	10.262.609.326
Tăng vốn ở công ty con	-	-	241.575.000.000	-	(241.575.000.000)	33.771.777.778
Giảm vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	-	-	(4.485.625.401)	4.485.625.401
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	2.546.331.521	106.620.100.970
Số dư cuối năm nay	1.018.989.900.000	-	241.575.000.000	479.579.319	(71.714.401.725)	474.031.122.746
						1.663.361.200.340

Trần Quốc Phong

Người lập

Nguyễn Công Nhân

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 29 tháng 3 năm 2025

CAMIMEX GROUP

MSDN: 2000103908

TP. CÀ MAU - T. C. MAU

Huỳnh Văn Tấn

Tổng Giám đốc



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn